TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **14 /**2018/HNGĐ-ST
Ngày 02/ 5/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân**: Bà Nguyễn Mai Phương và Bà Đỗ Thị Sỹ Long**
- Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Ngọc Lan – Thư ký Tòa án**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa**: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng** –Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2018/TB-TLVA ngày 23 tháng 01 năm 2018 về : " Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Phan Thị H,** sinh năm 1991

HKTT: Xóm B, thôn H, xã M, huyện M, thành phố Hà Nội
Nơi ở: Số 1 ngõ 6 Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Nhân T,** sinh năm 1990

HKTT: Xóm Bàng, thôn H, xã M, huyện M, thành phố Hà Nội

Nơi ở: Số 1 ngõ 6 Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội

(Chị H có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

-**Về tình cảm**: Chị và anh Nguyễn Nhân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 25/11/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà chung sống tại địa chỉ: Số 1 ngõ 6, phố Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04/2017 thì xảy ra mâu thẫn, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông vô lý, dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, khoảng nửa năm trở lại gần đây thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng hơn, anh T còn hay chửi bới , xúc phạm, thậm chí bạo hành, gây thương tích cho chị, bằng chứng về việc anh T bạo hành chị đã được chị thu âm, chụp ảnh và lưu vào USB xuất trình cho Tòa án. Ngoài ra việc mâu thuẫn này của vợ chồng chị còn có chị Nguyễn Thị H là chủ nhà cho vợ chồng chị thuê phòng để ở và đồng thời cũng sinh sống cùng nhà với vợ chồng chị H, anh T biết.

Khi vợ chồng chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn, bản thân chị H và anh T đã nhiều lần nói chuyện tìm cách khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Gia đình bên ngoại cũng đã khuyên giải anh T thay đổi cách sống, cách cư xử với chị H, nhưng anh T vẫn không sửa đổi.

Về phía gia đình bố, mẹ đẻ anh T thì cũng biết mâu thuẫn của vợ chồng chị, nhưng do ông bà và chị H cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên ông bà nội cũng căng thẳng với chị.

Nay chị H xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Nhân T.

- Về con chung: Chị H và anh Nguyễn Nhân T có 01 con chung là Nguyễn Nhân Đ, sinh ngày 27/04/2016.

Khi ly hôn, chị H xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung. Hiện nay chị H đang làm nhân viên tại Công ty cổ phần S quả cầu, thu nhập là 16.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nhà ở chung, nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn chị có trình bày về khoản tiền vợ chồng chị đóng góp xây dựng với gia đình chồng, chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý đề ngày 08/02/2018 và các đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn: anh Nguyễn Nhân T trình bày:

- Về tình cảm: Anh T xác nhận anh và chị Phan Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 25/11/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã xô xát nhau. Nay chị H xin ly hôn anh, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, nên anh cũng nhất trí và xin thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhân Đ, sinh ngày 27/04/2016. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh đóng góp tiền nuôi con chung thì anh cũng đồng ý giao con cho cô H nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì lý do công việc, nên anh T không thể có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi làm việc cũng như phiên tòa được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Nhân T để chị còn ổn định cuộc sống.

Anh Nguyễn Nhân T đã được tống đạt hợp lệ đến phiên Tòa, tuy nhiên anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại văn bản trả lời thông báo thụ lý, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo luật định.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:**

-Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng;

- Chuyển thông báo thụ lý và gửi các văn bản tố tụng đến Viện kiểm sát, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại các điều 170, 171, 172, 173, 175, 179 Bộ luật tố tụng dân sự ; Việc thu chứng cứ theo đúng quy định tại điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tòa án đã Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo đúng quy định tại điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát , Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng Điều 51, 237 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơncó đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Nhân T là đúng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; Điều 59; Điều 70; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Nguyễn Nhân T

- Về con chung: Giao con chung là: Nguyễn Nhân Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung đối với anh Nguyễn Nhân T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản .

- Về tài sản chung, nhà ở chung và khoản nợ chung: Các đương không có tài sản, chung, nhà ở chung, khoản nợ chung, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về án phí LHST: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng**: Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị Phan Thị H đối đối với anh Nguyễn Nhân T là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Nhân T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy báo đến tham gia phiên Tòa hôm nay, tuy nhiên anh Nguyễn Nhân T vắng mặt và đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt anh tại phiên Tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Nhân T theo luật định .

* **Về nội dung**: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Nhân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, thành phố Hà Nội ngày 25/11/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị thuê nhà chung sống tại địa chỉ: Số 1 ngõ 6, phố Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

[1]. Căn cứ các tài liệu có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình vợ chồng chị H, anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng căng thẳng, thường xuyên cãi vã nhau. Khoảng nửa năm trở lại gần đây thì mâu thuẫn vợ chồng trở lên căng thẳng hơn, anh T còn hay chửi bới , xúc phạm, thậm chí bạo hành, gây thương tích cho chị H. Chị H và gia đình bên ngoại cũng đã nhiều lần nói chuyện, khuyên giải anh T thay đổi cách sống, nhưng không có kết quả. Cũng theo chị H thì ngoài nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị thì giữa chị và gia đình nhà chồng cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm , cách sống. Do mâu thuẫn của chị và gia đình chồng cũng gay gắt nên chị cũng không nhận được sự thông cảm của gia đình chồng.

[2]. Anh Nguyễn Nhân T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng thường hay cãi vã thậm chí còn xô xát nhau.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ do chị H xuất trình và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được cũng thể hiện vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn và có việc anh T bạo hành đối với chị H.

[4] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho anh T đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho vợ chồng chị H, anh T, tuy nhiên anh T đều có đơn xin vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, phiên họp cũng như phiên Tòa, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với chị H theo như văn bản trả lời thông báo thụ lý mà anh đã gửi Tòa án, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

[5]. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn , khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Nguyễn Nhân T .

[6]. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Nguyễn Nhân Đ, sinh ngày 27/04/2016. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung. Anh Nguyễn Nhân T cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không phải đóng góp tiền nuôi con chung.

[7]. Xét thấy: Cháu Nguyễn Nhân Đ còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và khi ly hôn anh T và chị H đều nhất trí thỏa thuận giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là đảm bảo về quyền lợi cho cháu Đ, nên được chấp nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

[8]. Về tài sản chung và nhà ở chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về khoản nợ chung : Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[10]. Về án phí LHST: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[11]. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lí trên:

Quyết định

Áp dụng Điều 56, 58; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; khỏan 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 27 khoản 5a Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xö: 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Phan Thị H

Chị Phan Thị H được ly hôn anh Nguyễn Nhân T

2. Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Nhân T có 01 con chung là Nguyễn Nhân Đ, sinh ngày 27/04/2016.

Giao cháu Nguyễn Nhân Đ cho chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Nhân T cho đến khi chị Phan Thị H có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Nhân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Phan Thị H và anh Nguyễn Nhân T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về khoản nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí LHST: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008005 ngày 18/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Phan Thị H, vắng mặt anh Nguyễn Nhân T . Chị Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Nhân T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm Sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- UBND xã M, Huyện M, thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang